

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ NHẬT BẢN – ASEAN

NGUYỄN THỊ NGỌC*

Như đã biết, Nhật Bản và ASEAN là đối tác của nhau trong 4 thập niên qua kể từ khi khối này được thành lập; đồng thời họ có quan hệ ngoại giao với từng nước kể từ những năm 1950. Nhìn tổng thể, quan hệ Nhật Bản - ASEAN trong 4 thập niên qua diễn ra suôn sẻ và ngày càng bền chặt. Cơ sở của mỗi quan hệ đó là sự tìm kiếm và chia sẻ lợi ích, ở đó cả hai đều có nhu cầu phát triển các mối quan hệ song phương. Nhật Bản nhìn thấy ở đây là một thị trường rộng lớn và là một lối ra với thế giới trong bối cảnh quan hệ với các nước láng giềng còn có nhiều điểm bất đồng; hơn thế nữa, những duyên nợ trong lịch sử Chiến tranh Thế giới thứ hai, buộc Nhật Bản có trách nhiệm giải quyết. Trong khi đó, ASEAN nhìn vào Nhật Bản như một nơi giàu có về vốn và công nghệ. Và thế rồi mỗi nhân duyên Nhật Bản - ASEAN cứ thế mà đơm hoa kết trái.

Hai mối quan tâm chính để tìm thấy sự đồng thuận giữa Nhật Bản và ASEAN, đó là các quan hệ chính trị, an ninh và kinh tế. Có thể nói, đó là 2 lĩnh vực mấu chốt trong quan hệ song phương giữa Nhật Bản và ASEAN trong nhiều thập kỷ qua. Nếu coi chính sách ngoại giao kinh tế được Nhật Bản thực thi từ những năm 1950 và 1960 là công cụ khai thông quan hệ với các nước Đông Nam Á thì học thuyết Fukuda là cỗ pháo hạng nặng phá

tung các rào cản còn sót lại trong quan hệ giữa 2 đối tác này để mở đường cho một kỷ nguyên phát triển mới mà ở đó những ưu tiên cho các quan hệ kinh tế được đặt lên hàng đầu. Đó còn là cách thức Nhật Bản muốn thể hiện sức mạnh của một siêu cường kinh tế để lấp khoảng trống quyền lực do Mỹ để lại sau khi rút khỏi Việt Nam và sau bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Đây có thể coi là một cột mốc trong điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với ASEAN trong bối cảnh mới ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh Việt Nam.

Như đã nói ở trên, Chiến tranh Lạnh kết thúc đã tạo ra một diện mạo mới cho hợp tác và phát triển ở Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng, trên cơ sở đó Nhật Bản đã điều chỉnh chính sách của họ đối với ASEAN theo hướng củng cố và thúc đẩy liên kết chặt chẽ hơn đối với khu vực này trên cả các diễn đàn đa phương và song phương. Đây được coi là bước ngoặt quan trọng tiếp theo trong điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với ASEAN trong bối cảnh sau Chiến tranh Lạnh và gia tăng hội nhập Đông Á.

Sau đây bài viết sẽ đề cập chi tiết hơn quan hệ Nhật Bản - ASEAN thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh và nhất là trong một thập niên gần đây, tập trung chủ yếu trên các phương diện chính trị - an ninh và kinh tế. Qua đó chúng ta có thể thấy được quy mô và

* Thạc sĩ, Trưởng phòng Biên tập và Trị sự Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á

mức độ của thế lực Nhật Bản trong mối tương quan với Mỹ và Trung Quốc tại khu vực này.

1. Quan hệ chính trị an ninh

Từ đầu những năm 1990, Nhật Bản chủ trương củng cố chặt chẽ hơn nữa các mối quan hệ chính trị - an ninh với ASEAN. Chủ trương này là một yếu tố cấu thành chính sách của Nhật Bản đối với khu vực Đông Á - Thái Bình Dương thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh. Rõ ràng là bối cảnh khu vực sau Chiến tranh Lạnh đã có nhiều biến đổi sâu sắc, vừa tạo thuận lợi cho Nhật Bản nhưng thách thức cũng không ít. Điều này được thể hiện trên các khía cạnh sau đây: Thứ nhất là gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực này. Đây là yếu tố cạnh tranh ảnh hưởng của các thế lực lớn. Nhật Bản tính toán rằng, củng cố quan hệ với ASEAN không chỉ tạo ra thế cân bằng mới trong khu vực mà nó còn tạo cơ sở để Nhật Bản mở rộng các quan hệ kinh tế với cá nước ASEAN; Thứ hai, liên kết khu vực gia tăng mạnh mẽ; ở đó ASEAN sẽ giữ vai trò cầu nối cho các quan hệ kinh tế giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á bởi vậy gia tăng quan hệ chính trị, an ninh với ASEAN sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình này và giúp tháo gỡ những vấn đề nhạy cảm phát sinh giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

Tháng 1/1993, Nhật Bản đã công bố chính sách Đông Nam Á của họ thông qua học thuyết Miyazawa. Học thuyết này khẳng định nhu cầu của Nhật Bản trong việc gia tăng đối thoại Nhật Bản - ASEAN nhằm thúc đẩy sự ổn định trong khu vực. Đồng thời Nhật Bản tái khẳng định tiếp tục xúc tiến đối thoại về các vấn đề an ninh khu vực với Trung Quốc, Hàn Quốc và Mỹ. Một năm trước đó, trong chuyến thăm Oasinhton, Miyazawa đã tuyên bố củng cố quan hệ an

ninh Nhật Bản - Mỹ, tiếp tục coi đây là quan hệ trụ cột trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và đánh giá cao vai trò của mối quan hệ này đối với an ninh Đông Á. Trong học thuyết này, Nhật Bản nêu ra những quan tâm của mình trong việc tạo ra một môi trường an ninh mới trong khu vực trên cơ sở làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác truyền thống và mở rộng hợp tác song phương về quân sự với các nước khác, đồng thời tích cực tham dự các diễn đàn đa phương.

Nhật Bản được biết đến như là một thành tố tích cực đối với việc thiết lập cơ chế đối thoại đa phương ARF và Hội đồng Hợp tác An ninh Châu Á - Thái Bình Dương (CSCAD). Nhật Bản cho rằng các diễn đàn đa phương là công cụ quan trọng để xây dựng lòng tin và tạo lập môi trường an ninh đảm bảo cho khu vực và ở đó các thế lực có ảnh hưởng mạnh và các quốc gia nhỏ hơn có thể tìm thấy tiếng nói chung, tìm cách giải quyết các bất đồng có thể nảy sinh. Cũng có người lo lắng vì cho rằng, diễn đàn đa phương sẽ làm tổn hại các quan hệ song phương. Nhưng thực ra, đó là hai cơ chế bổ sung cho nhau bởi nếu vấn đề gì đó mà cơ chế song phương gặp khó khăn thì người ta tìm kiếm cách giải quyết ở cơ chế đa phương. Hơn nữa, trong an ninh Đông Á nhiều vấn đề liên quan tới lợi ích của các nước cho nên cơ chế đa phương tỏ ra hữu hiệu nhất để người ta chia sẻ.

Điều lưu ý là thông qua việc công bố học thuyết Miyazawa, Nhật Bản muốn khẳng định một chính sách đối ngoại và an ninh độc lập đối với Đông Á và nhất là ASEAN, thay vì như trước đây, họ luôn là một cái bóng của Mỹ. Chính Frank Umbach, trong tác phẩm "quan hệ quốc tế ở Châu Á - Thái

Bình Dương” đã nhận định “đó là cách riêng của Nhật Bản mà trong suốt 50 năm qua chưa có được”⁽¹⁾. Với sáng kiến Miyazawa, Nhật Bản đã chi gần 30 tỉ đô la hỗ trợ cho ASEAN khắc phục cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 và trợ giúp khu vực tư nhân ở các nước này phát triển. Đây được coi là hành động tích cực của Nhật Bản nhằm không chỉ thể hiện vai trò đầu tàu trong hợp tác với ASEAN mà nó còn thể hiện nỗ lực của nước này trong việc tạo dựng và duy trì một môi trường tin cậy trong hợp tác phát triển ở khu vực Đông Á. Một số nhà phân tích cho rằng, Mỹ đã gây sức ép đòi hỏi Nhật Bản thể hiện vai trò lãnh đạo lớn hơn đối với Đông Á trong cuộc thăm Mỹ của Thủ tướng Miyazawa năm 1992. Bởi đây cũng là cách thức Mỹ áp dụng để kiểm chế “ảnh hưởng” của Trung Quốc trong khu vực theo kiểu “mượn gió bẻ măng”. Và học thuyết Miyazawa là câu trả lời của Nhật Bản.

Các cuộc thăm viếng và trao đổi toàn diện mang tính định kỳ hàng năm giữa những nhà lãnh đạo quân sự Nhật Bản với các nước ASEAN 4 đã diễn ra đều đặn. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất trong hợp tác đa phương của hai phía vẫn là những ngăn cản trong hiến pháp Nhật Bản, bởi vậy việc xúc tiến hợp tác quân sự sâu hơn không thực hiện được. Sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, các cuộc tiếp xúc quân sự cấp cao giữa Nhật Bản với Việt Nam cũng được xúc tiến, nhờ đó, hai bên đã chia sẻ các mối quan tâm chung và hiểu biết lẫn nhau tốt hơn.

Năm 1997, đánh dấu sự thay đổi bước ngoặt trong quan hệ Nhật Bản - ASEAN. Đó hợp lần đầu tiên, Nhật Bản tham gia diễn

đàn ASEAN + 3 và ASEAN + 1 (ASEAN + 1 + 1 + 1).

Như đã biết, năm 1997, ASEAN kỷ niệm 30 năm thành lập. Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tổ chức tháng 12 năm đó, họ đã mời các nhà lãnh đạo Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tham dự và tổ chức Cuộc gặp Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần đầu tiên. Trong chuyến thăm các nước Đông Nam Á cùng năm, Thủ tướng Nhật Bản R.Hashimoto bày tỏ sự cần thiết phải đẩy mạnh đối thoại chính sách giữa các nhà lãnh đạo Nhật Bản và các nước ASEAN và đề xuất Cuộc gặp Thượng đỉnh thường kỳ. Đề xuất của ông được phần lớn các nhà lãnh đạo ASEAN hoan nghênh. Nhưng một vài quốc gia ASEAN dường như thận trọng hơn với ý tưởng tổ chức các Cuộc gặp Thượng đỉnh thường kỳ giữa ASEAN và Nhật Bản bởi lo sợ rằng Bắc Kinh có thể coi đó là động thái tạo ra đối trọng với sự hiện diện gia tăng của Trung Quốc trong khu vực. Thủ tướng Malaixia M.Mohamad, người đã thăm Nhật Bản vào tháng 3/1997 hoan nghênh ý tưởng tổ chức Cuộc gặp Thượng đỉnh giữa Nhật Bản và ASEAN cho rằng ông muốn chứng kiến một Cuộc gặp Thượng đỉnh ASEAN - Nhật ngay sau Cuộc gặp Thượng đỉnh giữa ASEAN và ba nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc và sau đó là cuộc gặp hai bên giữa Nhật Bản với từng nước ASEAN. Cuối cùng đề xuất này đã được các nước ASEAN ủng hộ. Nhật Bản ủng hộ ý tưởng tổ chức một Cuộc gặp Thượng đỉnh ASEAN + 3. Y.Ikeda, Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản ở thời điểm đó kêu gọi Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, Qian Quichen tham gia Cuộc gặp Thượng đỉnh ASEAN + 3. Vào tháng 4, P.Chaiyasan, Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan thông báo Hội nghị Thượng đỉnh

⁽¹⁾ ARF: Asean's Regional Forum và (SCAP: Council for Security Cooperation in Asia Pacific)

ASEAN +3 sẽ được tổ chức sau Cuộc gặp Thượng đỉnh ASEAN dự kiến vào tháng 12 cùng năm.

Diễn đàn này được xúc tiến đều đặn hàng năm kể từ đó cho đến nay. Có thể nói, đây là biểu hiện rõ nét và sinh động nhất cho các quan hệ song phương và đa phương giữa Nhật Bản với ASEAN cũng như với Trung Quốc và Mỹ. Tại đây người ta không chỉ bàn đến hợp tác an ninh, chính trị mà còn cả kinh tế và các lĩnh vực khác.

2. Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế

Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế luôn được cả hai phía nhận thức là mối quan tâm hàng đầu. Điều này trở thành nội dung xuyên suốt và nổi bật nhất trong các quan hệ song phương của Nhật Bản với các quốc gia ASEAN. Như đã biết, ngay từ những năm 1950, 1960 Nhật Bản đã coi Đông Nam Á là một khu vực quan trọng. Bởi vậy, từ cuối những năm 1950, dựa trên tinh thần học thuyết Yoshida, Nhật Bản đã xúc tiến bình thường hóa quan hệ với các nước Đông Nam Á như Indonexia, Malaysia, Philipin, Nam Việt Nam... và tài trợ ODA trở thành công cụ chủ yếu để Nhật Bản khai thông quan hệ với các nước này trên các phương diện ngoại giao, chính trị và kinh tế.

Từ những năm 1970 - 1980, quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản và ASEAN được xúc tiến trên nhiều lĩnh vực và Nhật Bản chú trọng phát triển quan hệ này với tư cách là quan hệ với một tổ chức. Năm 1977, Nhật Bản công bố học thuyết Fukuda, với tinh thần cơ bản là coi trọng quan hệ nhiều mặt với Đông Nam Á, xây dựng lòng tin và ưu tiên phát triển các quan hệ kinh tế với ASEAN. Bởi vậy, quan hệ đối thoại Nhật Bản - ASEAN chính thức được thể chế hóa trên cơ sở các mối quan hệ theo hướng này

được bắt đầu từ 1973. Nhật Bản và ASEAN đồng ý đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ và ODA.

Theo đó trung tâm ASEAN về xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch đã được thiết lập ở Tokyo. Bằng cách làm này Nhật Bản mong muốn thúc đẩy sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân của nước này vào các nước ASEAN. Đồng thời, Nhật Bản gia tăng trợ giúp tài chính cho các hoạt động song phương; chẳng hạn, giúp xây dựng Quỹ Văn hóa ASEAN (ACF), Chương trình Trao đổi Nhật Bản - ASEAN (JAEP), Quỹ Nhật Bản dành cho thanh thiếu niên ASEAN và Chương trình Trao đổi Kỹ thuật liên ASEAN (JATEP) và các dự án phát triển nguồn nhân lực khác. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng trở thành nhà cung cấp tài chính chủ yếu cho các dự án phát triển lưu vực sông Mekong. Các hội nghị tư vấn giữa các Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản với các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN cũng diễn ra đều đặn.

Từ những năm 1990, cùng với việc triển khai học thuyết Miyazawa, Nhật Bản đã tăng cường đối thoại an ninh và xúc tiến mạnh các quan hệ kinh tế với ASEAN. Thực tế cho thấy, vai trò kinh tế của Nhật Bản tại đây đã gia tăng nhanh chóng, nhất là trên các phương diện FDI, ODA và thương mại.

Cho tới 1995, FDI của Nhật Bản tại ASEAN 4, Singapo, Thái Lan, Malaysia và Indonexia chiếm gần 20 tổng FDI của Nhật Bản. Một thập niên sau đó, FDI từ Nhật Bản đã có mặt tại tất cả các nước ASEAN. Biểu sau đây cho chúng ta một bức tranh toàn cảnh về FDI của Nhật Bản vào ASEAN trong thập niên 1995-2004. Biểu thống kê này cũng cho thấy, Singapo xếp vị trí số 1,

tiếp sau là Thái Lan số 2, thứ 3 là Malaysia, thứ 4 là Philipin và thứ 5 là Việt Nam. Điều lưu ý là, Việt Nam một thành viên mới của ASEAN nhưng đã nhanh chóng chiếm được thứ bậc cao trong FDI từ Nhật Bản. Có được vị trí này là nhờ môi trường đầu tư tại Việt Nam ngày càng được cải thiện. Các nhà đầu tư Nhật Bản cảm thấy yên tâm khi đầu tư vào thị trường đầy tiềm năng này. Có thể

khẳng định rằng sự gia tăng đầu tư của Nhật Bản tại các nước ASEAN đã giúp các nước này cải thiện các điều kiện kinh tế, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa thông qua chuyển giao vốn, công nghệ và kỹ năng quản lý. Đương nhiên, đây cũng là cách thức để Nhật Bản gia tăng ảnh hưởng của mình tại khu vực này trong bối cảnh cạnh tranh giữa các thế lực lớn ngày càng gia tăng.

FDI từ Nhật Bản vào các nước Đông Nam Á

Đơn vị tính: triệu đôla Mỹ

Nước	1995	2002	2003	2004	1995-2004
Brunei	6	295	4	51	394
Campuchia	-	2	0	3	4
Indonexia	1751	-177	-604	-319	-31
Lào	1	9	2	1	19
Malaysia	854	679	754	1138	5899
Myanma	0	5	3	0	119
philipin	683	742	23	44	3099
Singapo	1663	1092	999	610	11309
Thái Lan	557	632	816	689	8785
Việt Nam	134	96	320	321	2474
ASEAN	5649	3366	2318	2538	3207

Nguồn: ASEAN Secretarial - ASEAN FDI Database, 2005

Điều lưu ý là cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á nổ ra năm 1997 đã gây thiệt hại lớn cho các nền kinh tế chủ chốt của ASEAN song dường như đây là cơ hội để Nhật Bản gia tăng hợp tác với ASEAN.

Tháng 7/1997, tỉ giá hối đoái của đồng baht, đồng tiền Thái Lan sụt giảm mạnh đột ngột, tạo làn sóng khủng hoảng tiền tệ và tài chính trên toàn Châu Á. Lấy tỉ giá vào cuối tháng 6/1997 là 100, đồng tiền của các nước Đông Nam Á sau khủng hoảng suy giảm;

đồng Baht Thái Lan giảm 55,5%, đồng Ruipah Indonexia 85,4%, Ringgit Malaixia 46,4%. Sự sụt giảm tỉ giá hối đoái các đồng tiền đã đẩy lùi tăng trưởng kinh tế của những nước này, và tỉ lệ tăng trưởng thực tế năm 1998: Thái Lan giảm 11%, Malaxia giảm 7%, Indonexia giảm 14% .

Khủng hoảng tài chính tiếp tục không suy giảm trong những tháng sau đó và bắt đầu gây thiệt hại đến các lĩnh vực chính trị, xã hội. Tháng 5/1998, Tổng thống Suharto,

người lãnh đạo Indonexia trong hơn 30 năm buộc phải từ chức. Các nước ASEAN lo lắng tìm cách thoát khỏi khủng hoảng kinh tế đồng thời hy vọng vào sự trợ giúp từ Nhật Bản. Những gì Nhật Bản có thể làm để giúp các nước Đông Nam Á vượt qua khó khăn kinh tế trở thành chủ đề chính của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần thứ 2 tại Hà Nội. Nhằm trợ giúp các nước ASEAN và Châu Á trong khó khăn kinh tế, chính phủ Nhật Bản đã công bố kế hoạch Miyazawa mới cung cấp trợ giúp cả gói tổng cộng 30 tỉ USD. Tại Hội nghị Thượng đỉnh này, ASEAN kỳ vọng Nhật Bản giúp đỡ các thành viên ASEAN vượt qua khủng hoảng kinh tế và đánh giá cao sự giúp đỡ quy mô lớn cho các quốc gia Đông Nam Á thông qua kế hoạch Miyazawa mới. Trong khi đó, chính phủ Nhật Bản cam kết sẽ thực hiện kế hoạch nhanh nhất có thể và sẽ giải ngân 600 tỉ Yên (xấp xỉ 5 tỉ USD) trong chương trình cho vay đặc biệt bằng đồng Yên đến các nước này trong 3 năm.

Như vậy, từ nửa đầu thập niên này, quan hệ chính trị thể hiện qua các diễn đàn hợp tác song phương, đa phương giữa Nhật Bản với các quốc gia ASEAN ngày càng được Nhật Bản chú trọng và tập trung phát triển. Rõ ràng sự thành công này không thể chỉ do nỗ lực riêng của mình Nhật Bản mà là nỗ lực chung của cả hai phía nhằm hướng tới mục tiêu chung hoà bình ổn định khu vực Đông Á. Hợp tác kinh tế Nhật Bản - ASEAN cũng được thể chế hóa và phát triển sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Nhiều chuyên gia cho rằng, chính bối cảnh gia tăng hội nhập Đông

Á và sự gia tăng ảnh hưởng của các thế lực lớn như Trung Quốc, Mỹ, Úc, và các nhà cạnh tranh khác như Hàn Quốc, Đài Loan, thậm chí cả EU và Nga đã buộc Nhật Bản tiếp tục củng cố các quan hệ kinh tế với ASEAN. Tháng 11/2002, tại thủ đô Campuchia, Nhật Bản và các quốc gia ASEAN ký tuyên bố chung "đôi tác kinh tế thân thiện". Năm 2003, diễn đàn ASEAN + 1 giữa Nhật Bản với ASEAN tổ chức tại Tokyo; tại đây Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đã quyết định tài trợ 3 tỉ đô la cho ASEAN. Đặc biệt là vào tháng 12 năm 2003, chương trình tài trợ ODA của Nhật Bản cho ASEAN bao gồm 7 lĩnh vực chủ yếu được công bố. Có thể coi đây là cơ sở cho Nhật Bản xúc tiến tài trợ ODA cho ASEAN trong những thập niên đầu thế kỷ 21.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Melissa G. Curley and Nicholas Thomas (eds.), (2007). *Advancing East Asian Regionalism*. London, New York, Routed
2. David Martin Jones, M.L.R. Smith, (2006). *ASEAN and East Asian International Relations*, Cheltenham, UK.
3. Nicholas Tarling, (2006), *Regionalism in Southeast Asia: to Forter the Political Will*, New York Routlege.
4. Ellis S. Krauss and T.J. Pempel, (eds.), (2004), *Beyond Bilateralism: US-Japan Relations in the New Asia-Pacific*, Sanford, Cal; Sanford University Press.
5. www.aseansec.org/18098.htm